

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2018

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2018

M.S.N
★
Đ.Đ.

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà nội
Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,117,953,012,233	1,127,018,617,301
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,096,732,199	11,472,517,060
1. Tiền	111	V.01	4,096,732,199	11,472,517,060
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	280,768,000	318,432,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		342,250,000	342,250,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		(61,482,000)	(23,818,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		711,285,897,719	705,572,812,209
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	415,353,892,783	418,319,489,682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		89,220,739,218	83,706,260,529
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	223,829,650,738	214,058,832,727
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(17,382,391,082)	(10,775,776,791)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	264,006,062	264,006,062
IV. Hàng tồn kho	140		400,844,494,661	406,142,926,429
1. Hàng tồn kho	141	V.07	467,613,544,666	480,040,399,498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(66,769,050,005)	(73,897,473,069)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,445,119,654	3,511,929,603
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	70,139,653	69,462,732
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,374,980,001	3,442,466,871
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		938,091,221,640	903,397,891,794
I. Tài sản cố định	220		511,714,322,181	523,408,316,482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	511,714,322,181	523,408,316,482
- Nguyên giá	222		634,391,089,714	640,710,805,222
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(122,676,767,533)	(117,302,488,740)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	359,268,490,531	312,695,277,344
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		359,268,490,531	312,695,277,344
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	64,213,060,813	64,423,422,813
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		62,413,060,813	62,623,422,813
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5,400,000,000	5,400,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3,600,000,000)	(3,600,000,000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2,895,348,115	2,870,875,155
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	99,868,425	106,108,622
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,795,479,690	2,764,766,533
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,056,044,233,873	2,030,416,509,095

ST. 010
C
C
CƠ ĐIỆN
VI
DÔNG

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,293,773,827,501	1,316,248,555,048
I. Nợ ngắn hạn	310		950,845,952,915	812,911,829,494
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	210,767,973,633	217,536,497,480
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		61,372,284,200	47,216,662,775
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	37,627,258,934	43,050,678,853
4. Phải trả người lao động	314		2,509,700,784	2,910,028,086
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	165,958,212,551	153,515,412,142
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			2,590,909,091
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	393,266,804,280	163,143,765,275
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	69,671,863,000	172,732,382,259
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9,671,855,533	10,215,493,533
II. Nợ dài hạn	330		342,927,874,586	503,336,725,554
1. Chi phí phải trả dài hạn	333			73,425,044,177
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		11,681,086,486	11,681,086,486
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	330,596,788,100	417,580,594,891
4. Trái phiếu chuyển đổi	339		650,000,000	650,000,000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		762,270,406,372	714,167,954,047
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	762,265,341,060	714,157,646,109
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575,100,000,000	575,100,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,100,000,000	575,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,960,749,348	32,960,749,348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73,426,398,513)	(73,426,398,513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28,817,258,755	28,817,258,755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38,372,449,083	36,184,799,713
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37,221,608,471	34,551,042,977
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,150,840,612	1,633,756,736
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		160,441,282,387	114,521,236,806
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	5,065,312	10,307,938
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		5,065,312	10,307,938
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,056,044,233,873	2,030,416,509,095

01032
 NG T
 PHẢI
 VÀ XÂY
 ỆT NA
 DA - TT

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	18,894,933,131	25,051,211,977	44,506,737,527	62,829,503,069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18,894,933,131	25,051,211,977	44,506,737,527	62,829,503,069
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	13,149,667,007	18,798,808,600	35,614,378,498	53,450,695,670
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,745,266,124	6,252,403,377	8,892,359,029	9,378,807,399
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1,147,347,025	63,343,227	3,210,177,001	70,308,211
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	4,058,256,261	(499,877,554)	8,803,126,341	(124,186,619)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,828,024,774	3,992,692,351	7,599,531,854	4,166,747,136
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	24		(105,181,000)	(105,181,000)	(210,362,000)	(210,362,000)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	-	4,722,550	1,550,150	9,481,150
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	1,437,958,274	1,658,085,573	10,256,410,629	3,262,034,259
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,291,217,614	5,047,635,035	(7,168,913,090)	6,091,424,820
12. Thu nhập khác	31	VI.06	67,288,032	39,030,490	9,350,630,894	74,439,160
13. Chi phí khác	32	VI.07	6,496,021	7,380,910	7,516,010	226,607,816
14. Lợi nhuận khác	40		60,792,011	31,649,580	9,343,114,884	(152,168,656)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,352,009,625	5,079,284,615	2,174,201,794	5,939,256,164
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	22,209,552	-	41,564,470
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(31,945,108)		(30,713,157)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,383,954,733	5,057,075,063	2,204,914,951	5,897,691,694
19. LN sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1,150,840,612	4,934,410,711	2,187,649,370	5,768,207,695
20. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		233,114,121	122,664,352	17,265,581	129,483,999
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		22	95	42	111
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KÊ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 6 tháng đầu năm 2018

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,174,201,794	5,939,256,164
2. Điều chỉnh cho các khoản			18,885,864,228	12,325,808,688
- Khấu hao TSCĐ	02		11,688,751,675	12,298,636,539
- Các khoản dự phòng	03		(484,144,773)	(4,537,826,880)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		94,949,487	246,893,125
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13,224,015)	151,358,768
- Chi phí lãi vay	06		7,599,531,854	4,166,747,136
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21,060,066,022	18,265,064,852
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10,228,626,916)	13,414,090,462
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		12,426,854,832	(4,727,600,994)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		273,717,034,207	(13,203,139,809)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		5,563,276	43,935,119
- Tiền lãi vay đã trả	14		(68,430,558,043)	(16,731,063,204)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(125,566,103)	(701,671,843)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(543,638,000)	(404,320,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		227,881,129,275	(4,044,605,417)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36,437,717,311)	(39,467,208,547)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200,000,000	500,000,000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(12,764,072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36,237,717,311)	(38,979,972,619)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		84,529,415,880	68,085,503,804
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(283,548,313,288)	(30,179,033,242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(199,018,897,408)	37,906,470,562
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(7,375,485,444)	(5,118,107,474)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11,472,517,060	12,240,784,017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(299,417)	883,518
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		4,096,732,199	7,123,560,061

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2018

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thi nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 04
- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 04
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

+ Công ty CP đầu tư thủy điện An pha

Địa chỉ: Số 214, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60,05 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51 %

+ Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 89%

+ Công ty CP khoáng sản MECO

Địa chỉ: Thôn Đồng Lạt, Xã Trung Sơn, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 92,05 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75 %

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

+ Công ty CP Bất động sản MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 67,5 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 67,5 %

- Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

+ Công ty CP cơ điện và XD Hòa Bình

Địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Tỷ lệ phần sở hữu: 32,49 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 46 %

+ Công ty CP XD thủy lợi MECO Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: 205 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ phần sở hữu: 28,05 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 28,05 %

- Công ty CP cơ khí Văn Lâm

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Tỷ lệ phần sở hữu: 100 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 45 %

+ Công ty CP thủy điện Thác Xăng

Địa chỉ: 2A14 tổ 1D, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 77,95 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 35 %

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2018 là năm tài chính thứ 13 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 Công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	4 – 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng được trình bày riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con:

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được loại trừ toàn bộ.

Số dư các khoản mục phải thu, phải trả, cho vay... giữa các đơn vị trong tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn được loại trừ toàn bộ.

Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán							Đơn vị tính: VND	
1- Tiền							Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt							999,584,875	4,297,789,348
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn							3,097,147,324	7,174,727,712
Cộng							4,096,732,199	11,472,517,060
2- Các khoản đầu tư tài chính:							Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng		
a) Chứng khoán kinh doanh:								
- Tổng giá trị cổ phiếu							342,250,000	280,768,000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội							342,250,000	280,768,000
- Số lượng cổ phiếu							(61,482,000)	(61,482,000)
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội							342,250,000	280,768,000
							Cuối kỳ	Đầu năm
							34,240	34,240
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							Cuối kỳ	Đầu năm
	Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị			
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình							224,147	2,003,528,515
+ Công ty CP XDTL MECO Sài Gòn							420,724	631,086,000
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm								8,048,082,953
+ Công ty CP Thủy điện Thác Xăng							1,673,036	16,730,363,345
+ BQL DA khu đô thị phía đông huyện Văn								35,000,000,000
Cộng							62,413,060,813	62,623,422,813
- Đầu tư vào đơn vị khác								
	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý		
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh							1,050,000,000	(1,050,000,000)
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD							1,800,000,000	1,800,000,000
+ Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái							2,550,000,000	(2,550,000,000)
Cộng							5,400,000,000	(3,600,000,000)
3- Phải thu của khách hàng							Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn							409,060,780,428	412,026,377,327
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan							6,293,112,355	6,293,112,355
<i>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</i>								
<i>Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác</i>							6,293,112,355	6,293,112,355
Cộng							415,353,892,783	418,319,489,682
4- Phải thu khác							Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá trị	Dự phòng		Giá trị	Dự phòng			
<i>Ngắn hạn</i>								
- Tạm ứng							223,829,650,738	-
- Ký cược, ký quỹ							167,150,354,873	118,644,098,634
- Phải thu khác							15,700,000	15,700,000
							56,663,595,865	95,399,034,093
5- Tài sản thiếu chờ xử lý							Cuối kỳ	Đầu năm
a) Hàng tồn kho								
b) Tài sản khác							264,006,062	264,006,062
Cộng							264,006,062	264,006,062
6- Nợ xấu							Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi			
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi							17,382,391,082	-
							10,775,776,791	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
7- Hàng tồn kho				
- Hàng mua đang đi trên đường	4,196,612,310		6,464,879,810	
- Nguyên liệu, vật liệu	32,199,728,617		33,696,470,170	
- Công cụ, dụng cụ	30,900,000		31,650,000	
- Chi phí SX, KD dở dang	402,362,715,225	66,769,050,005	411,023,811,004	73,897,473,069
- Thành phẩm	94,211,080		94,211,080	
- Hàng hóa	28,610,858,139		28,610,858,139	
- Hàng gửi bán	118,519,295		118,519,295	
Cộng	467,613,544,666	66,769,050,005	480,040,399,498	73,897,473,069

8- Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

- Mua sắm
- XDCB

Dự án khu đô thị MECO - CITY

Dự án Suối Choang - Nghệ An

Dự án thủy điện Nậm Hóa

Dự án mỏ đá Hòa Bình

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
	1,223,229,426	1,223,229,426
	358,045,261,105	311,472,047,918
	107,304,540	107,304,540
	23,061,781,845	22,719,868,147
	328,477,483,162	282,264,143,637
	6,398,691,558	6,380,731,594
Cộng	359,268,490,531	312,695,277,344

9- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	379,578,287,412	247,148,990,567	13,585,492,912	398,034,331	640,710,805,222
- Thanh lý, nhượng bán		(6,319,715,508)	-		(6,319,715,508)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	379,578,287,412	240,829,275,059	13,585,492,912	398,034,331	634,391,089,714
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	28,013,185,183	75,735,726,127	13,155,543,099	398,034,331	117,302,488,740
- Khấu hao trong kỳ	5,353,215,331	6,189,045,607	151,733,363	-	11,693,994,301
<i>Số dư cuối kỳ</i>	33,366,400,514	75,605,056,226	13,307,276,462	398,034,331	122,676,767,533
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	351,565,102,229	171,413,264,440	429,949,813	-	523,408,316,482
- Tại ngày cuối kỳ	346,211,886,898	165,224,218,833	278,216,450	-	511,714,322,181

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

499,296,999,086

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

61,271,838,018

10- Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

	Cuối kỳ	Đầu năm
	70,139,653	69,462,732

b) Dài hạn

- Các khoản khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
	99,868,425	106,108,622
Cộng	170,008,078	175,571,354

11- Vay và nợ thuê tài chính

	Giá trị	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	69,671,863,000	69,671,863,000	58,837,220,000	161,897,739,259	172,732,382,259	172,732,382,259	
b) Vay dài hạn	330,596,788,100	330,596,788,100	34,666,767,238	121,650,574,029	417,580,594,891	417,580,594,891	
<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	81,295,568,506	81,295,568,506		40,560,000,000	121,855,568,506	121,855,568,506	
<i>Trên 5 năm</i>	249,301,219,594	249,301,219,594	34,666,767,238	81,090,574,029	295,725,026,385	295,725,026,385	
Cộng	400,268,651,100	400,268,651,100	93,503,987,238	283,548,313,288	590,312,977,150	590,312,977,150	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

12- Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	210,126,294,707	210,126,294,707	216,394,818,554	216,394,818,554
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	641,678,926	641,678,926	1,141,678,926	1,141,678,926
<i>Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn</i>				
<i>Phải trả tiền khối lượng thi công</i>	<i>641,678,926</i>	<i>641,678,926</i>	<i>1,141,678,926</i>	<i>1,141,678,926</i>
Cộng	210,767,973,633	210,767,973,633	217,536,497,480	217,536,497,480
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu kỳ		Cuối kỳ	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ
- Thuế GTGT	17,797,958,973	2,544,554,115	7,516,449,416	12,826,063,672
- Thuế TNDN	15,928,373,621	-	125,566,103	15,802,807,518
- Thuế TNCN	288,286,295	68,919,844	152,331,298	204,874,841
- Thuế tài nguyên	468,871,016	682,619,537	913,794,198	237,696,355
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	162,953,911	164,411,468	164,411,468	162,953,911
- Các loại thuế khác	8,404,235,037	515,000,000	526,372,400	8,392,862,637
Cộng	43,050,678,853	3,975,504,964	9,398,924,883	37,627,258,934
14- Chi phí phải trả	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số phải trả	Số đã thực nộp	Số phải trả	Số đã thực nộp
a) Ngắn hạn			165,958,212,551	153,515,412,142
- Chi phí lãi vay phải trả			31,010,815,558	17,252,374,539
- Lãi trái phiếu phải trả			105,726,000	105,726,000
- Chi phí công trình			133,221,270,720	134,536,911,330
- Chi phí hỗ trợ di dời			1,620,400,273	1,620,400,273
b) Dài hạn				73,425,044,177
- Lãi vay				73,425,044,177
Cộng			165,958,212,551	226,940,456,319
15- Phải trả khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số phải trả	Số đã thực nộp	Số phải trả	Số đã thực nộp
- Kinh phí công đoàn			153,003,325	203,975,334
- Bảo hiểm xã hội			1,098,807,245	1,088,481,477
- Bảo hiểm thất nghiệp			12,646,443	12,771,300
- Phải trả về cổ phần hoá			252,180,000	252,180,000
- Cổ tức loại nhuận phải trả			2,770,883,026	2,770,883,026
- Các khoản phải trả, phải nộp khác			388,979,284,241	158,815,474,138
Cộng			393,266,804,280	163,143,765,275
16- Doanh thu chưa thực hiện	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số phải trả	Số đã thực nộp	Số phải trả	Số đã thực nộp
a) Ngắn hạn				
- Doanh thu nhận trước			-	2,590,909,091
b) Dài hạn				
- Doanh thu nhận trước			11,681,086,486	11,681,086,486
Cộng			11,681,086,486	14,271,995,577

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

17- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	34,551,042,977	9,126,577,105	607,129,229,672
- Tăng vốn trong năm trước						1,850,000,000	1,850,000,000
- Lãi trong năm trước					2,066,392,362	575,050,767	25,569,353,685
- Tăng khác						417,388,934	417,388,934
- Giảm khác					(432,635,626)		(432,635,626)
- Cấn trừ nợ phải trả bằng một phần vốn góp tại công ty con						102,552,220,000	102,552,220,000
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	36,184,799,713	114,521,236,806	714,157,646,109
- Tăng vốn trong kỳ						45,902,780,000	45,902,780,000
- Lãi trong kỳ					2,187,649,370	17,265,581	4,392,564,321
Số dư cuối kỳ	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	38,372,449,083	160,441,282,387	762,265,341,060

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
	575,100,000,000	575,100,000,000
Cộng	575,100,000,000	575,100,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp cuối năm

	Năm nay	Năm trước
	575,100,000,000	575,100,000,000
	575,100,000,000	575,100,000,000

d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

	Cuối kỳ	Đầu năm
	57,510,000	57,510,000
	57,510,000	57,510,000
	57,510,000	57,510,000
	5,460,000	5,460,000
	5,460,000	5,460,000
	52,050,000	52,050,000
	52,050,000	52,050,000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

	Cuối kỳ	Đầu năm
	28,817,258,755	28,817,258,755

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

18- Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

	Cuối kỳ	Đầu năm
	5,065,312	10,307,938

19- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ (USD)

Đồng Euro (EUR)

	Cuối kỳ	Đầu năm
	818.84	837.54
	322.68	328.14
b) Nợ khó đòi đã xử lý:	4,857,933,003	4,857,933,003

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Q2/2018	Q2/2017
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	675,423,980	28,390,818
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	3,087,589,566	11,185,979,278
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS		
- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện	8,670,946,521	8,477,330,466
- Doanh thu khác	6,460,973,064	5,359,511,415
Cộng	18,894,933,131	25,051,211,977
2- Giá vốn hàng bán	Q2/2018	Q2/2017
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	649,448,924	9,287,762
- Giá vốn hoạt động xây dựng	3,225,617,269	10,245,427,310
- Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS		
- Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh điện	4,339,821,408	4,001,404,064
- Giá vốn khác	4,934,779,406	4,542,689,464
Cộng	13,149,667,007	18,798,808,600
3- Doanh thu hoạt động tài chính	Q2/2018	Q2/2017
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,147,347,025	63,343,227
- Lãi chênh lệch tỷ giá		
Cộng	1,147,347,025	63,343,227
4- Chi phí tài chính	Q2/2018	Q2/2017
- Lãi tiền vay	3,828,024,774	3,992,692,351
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	94,949,487	45,256,975
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	61,482,000	(4,537,826,880)
- Chi phí tài chính khác	73,800,000	
Cộng	4,058,256,261	(499,877,554)
5- Thu nhập khác	Q2/2018	Q2/2017
- Các khoản khác	54,064,017	39,030,490
Cộng	67,288,032	39,030,490
6- Chi phí khác	Q2/2018	Q2/2017
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Các khoản bị phạt	6,496,021	7,380,910
Cộng	6,496,021	7,380,910
7- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Q2/2018	Q2/2017
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	1,054,716,430	1,402,259,214
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30,188,536	45,125,219
- Chi phí đồ dùng văn phòng	16,120,227	15,659,659
- Chi phí khấu hao TSCĐ	23,705,904	1,925,601
- Thuế phí và lệ phí	1,140,164	
- Chi phí dự phòng		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	74,838,057	133,550,585
- Chi phí bằng tiền khác	237,248,956	59,565,295
Cộng	1,437,958,274	1,658,085,573
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên		4,722,550
Cộng		4,722,550

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Q2/2018	Q2/2017
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8,909,679,405	10,498,808,156
- Chi phí nhân công		2,276,980,055
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3,477,883,952	3,714,458,480
- Chi phí máy thi công	786,691,885	1,212,640,446
- Chi phí sản xuất chung	7,170,059,878	16,432,834,817
Cộng	20,344,315,120	34,135,721,954

9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Q2/2018	Q2/2017
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,352,009,625	5,079,284,615
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(132,805,740,252)	(151,538,407,144)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	332,634,514	172,561,910
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	6,496,021	7,380,910
<i>Phần lỗ trong công ty liên kết</i>	105,181,000	105,181,000
<i>Các khoản lãi nội bộ</i>	160,957,493	
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	60,000,000	60,000,000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(133,138,374,766)	(151,710,969,054)
<i>Thu nhập được miễn thuế của công ty con</i>	(489,570,680)	(580,958,008)
<i>Lỗ từ các năm trước chuyển sang</i>	(132,648,804,086)	(151,130,011,046)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(131,453,730,627)	(146,459,122,529)
- Thu nhập chịu thuế của công ty con	(180,659,652)	111,047,761
- Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	(131,273,070,975)	(146,570,170,290)
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<i>Thuế phải nộp tại công ty con</i>		22,209,552
- Thuế TNDN phải nộp		22,209,552

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	93,503,987,238
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	283,548,313,288

VIII. Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q2/2018	Q2/2017
Tiền lương	473,785,219	289,583,523
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	34,296,456	26,183,626
Cộng	508,081,675	315,767,149

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này
<i>Công ty CP thủy điện Thác Xăng</i>	
Phải thu về tiền thí nghiệm	239,336,879

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</i>		
Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác	6,293,112,355	6,293,112,355
Phải thu khác	256,173,303	256,173,303
Cộng nợ phải thu	6,549,285,658	6,549,285,658

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng		
Ứng tiền thi công công trình	14,582,367,991	2,582,367,991
Phải trả khác	177,885,378	177,885,378
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
Phải trả các khoản khác	9,900,149	9,900,149
Phải trả tiền thi công	641,678,926	1,141,678,926
Phải trả khác	137,469,755	137,469,755
Cộng nợ phải trả	15,549,302,199	4,049,302,199

2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Kỳ này					
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3,087,589,566	675,423,980		15,131,919,585	18,894,933,131
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,087,589,566	675,423,980		15,131,919,585	18,894,933,131
Chi phí bộ phận	3,225,617,269	649,448,924		10,712,559,088	14,587,625,281
KQKD theo bộ phận	(138,027,703)	25,975,056		4,419,360,497	4,307,307,850
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					(105,181,000)
Lợi nhuận từ hoạt động KD					4,202,126,850
• Doanh thu hoạt động tài chính					1,147,347,025
Chi phí tài chính					4,058,256,261
Thu nhập khác					67,288,032
Chi phí khác					6,496,021
Chi phí thuế TNDN hiện hành					
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(31,945,108)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					1,383,954,733
Tổng CP phát sinh mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					46,573,213,187
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn					11,693,994,301

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1,277,267,419,798	295,959,461,121	322,969,009,815	159,848,343,139	2,056,044,233,873
Tổng tài sản	1,277,267,419,798	295,959,461,121	322,969,009,815	159,848,343,139	2,056,044,233,873
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1,066,541,108,666	85,558,195,400	26,928,824,866	114,745,698,569	1,293,773,827,501
Tổng nợ phải trả	1,066,541,108,666	85,558,195,400	26,928,824,866	114,745,698,569	1,293,773,827,501
Số đầu năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1,282,553,012,253	296,478,530,256	288,745,139,346	162,639,827,240	2,030,416,509,095
Tổng tài sản	1,282,553,012,253	296,478,530,256	288,745,139,346	162,639,827,240	2,030,416,509,095
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	927,914,664,544	88,710,427,986	61,495,867,647	238,127,594,871	1,316,248,555,048
Tổng nợ phải trả	927,914,664,544	88,710,427,986	61,495,867,647	238,127,594,871	1,316,248,555,048

3- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 2 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017.

Kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 2 năm 2018 giảm so với cùng kỳ năm 2017 chủ yếu là do trong quý 2 năm 2017, Công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư vào Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang (LGL) dẫn đến lợi nhuận tăng.

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



